

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2020/DS-ST
Ngày: 26 - 8 - 2020
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Lý.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Nghĩa
2. Bà Nguyễn Thị Nhiều.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Hoàng Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2020/TLST- DS ngày 14 tháng 5 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2020/QĐXXST- DS ngày 04 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng Chính sách xã hội**

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T; chức vụ: Tổng Giám đốc;

Địa chỉ trụ sở: Số x, phố L, phường H, quận H, thành phố Hà Nội.

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1968

Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện V.

Địa chỉ cư trú: Số nhà x, tổ x, phố L, phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

- Người được ủy quyền lại: Ông Trần Văn G, sinh năm 1968

Chức vụ: Phó giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện V.

Địa chỉ: Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện V, tỉnh Thái Bình. (Văn bản ủy quyền số 01 ngày 02 tháng 01 năm 2020).

2. Bị đơn: Bà **Trần Thị Đ**, sinh năm 1953;

Địa chỉ cư trú: Thôn L, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình.

(Ông G, bà Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 5 năm 2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại Đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, đại diện Nguyên đơn trình bày:*

Ngày 24 tháng 5 năm 2015, bà Trần Thị Đ có Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay chương trình cho vay hộ cận nghèo xin vay số tiền 40.000.000 đồng, mục đích để đầu tư xây chuồng, chăn nuôi lợn sinh sản. Căn cứ vào Quyết định số 15/2013/QĐ-TTg ngày 23/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với hộ cận nghèo, căn cứ vào Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay chương trình cho vay hộ cận nghèo đề ngày 24 tháng 5 năm 2015 của bà Trần Thị Đ và căn cứ vào Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn ngân hàng Chính sách Xã hội, chương trình cho vay hộ cận nghèo duyệt ngày 25 tháng 5 năm 2015 của thôn L, xã V, huyện V đã được UBND xã V, Ngân hàng Chính sách xã hội xác nhận nên ngày 09 tháng 6 năm 2015, Ngân hàng chính sách xã hội đã giải ngân cho bà Đ vay số tiền 40.000.000 đồng; thời hạn 36 tháng; lãi suất 0,66% tháng; lãi suất quá hạn bằng 130% lãi suất khi cho vay. Tính đến ngày 07 tháng 01 năm 2017 bà Đ đã trả cho Ngân hàng số tiền lãi là 5.086.400 đồng. Từ đó đến nay, bà Đ chưa trả thêm được khoản nợ gốc và lãi nào cho Ngân hàng Chính sách xã hội.

Do bà Đ vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng chính sách xã hội khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: buộc bà Trần Thị Đ phải thanh toán số tiền nợ bao gồm nợ gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn tính đến ngày xét xử, đồng thời phải chịu lãi suất phát sinh thực tế đến khi trả hết nợ theo Sổ vay vốn, Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay chương trình cho vay hộ cận nghèo. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm 26 tháng 8 năm 2020, bà Đ còn nợ Ngân hàng Chính sách xã hội tổng số tiền là 53.105.447đồng. Trong đó:

- Nợ gốc: 40.000.000 đồng

- Nợ lãi trong hạn tính từ 07/02/2017 đến 07/6/2018: 4.475.346 đồng

- Nợ lãi quá hạn tính từ ngày 08/6/2018 đến ngày 26/8/2020 (đến thời điểm xét xử sơ thẩm): 8.630.101 đồng.

** Tại Biên bản lấy lời khai ngày 16 tháng 6 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, bà Trần Thị Đ trình bày:*

Về thời gian, số tiền, thời hạn vay, mục đích vay, lãi suất vay, lãi suất quá hạn đối với khoản vay giữa Ngân hàng Chính sách Xã hội và bà đúng như nguyên đơn đã trình bày, bà không có ý kiến bổ sung gì. Ngày 09 tháng 6 năm 2015 bà đã nhận đủ số tiền vay là 40.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền vay, bà không sử dụng vào mục đích xây chuồng, chăn nuôi lợn sinh sản như hồ sơ vay vốn, cũng không sử dụng chi tiêu trong gia đình. Bà đã đưa toàn bộ số tiền vay cho bà Hoàng Thị T (năm 2015 bà T là Chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ xã V).

Đến ngày 07 tháng 01 năm 2017, bà đã trả cho Ngân hàng số tiền lãi là 5.086.400 đồng. Từ đó đến nay, bà chưa trả thêm được khoản nợ gốc và nợ lãi nào khác cho Ngân hàng.

Nay Ngân hàng chính sách xã hội yêu cầu bà phải thanh toán nợ gốc, nợ lãi trong hạn và nợ lãi quá hạn, bà thừa nhận bà có nợ Ngân hàng số tiền như Ngân hàng đã yêu cầu. Tuy nhiên, do hiện nay bà Trâm đã bỏ trốn, không trả tiền cho bà mà hoàn cảnh kinh tế của gia đình bà lại khó khăn nên bà chưa có điều kiện trả khoản nợ trên.

Khi bà vay tiền chồng và con bà không biết, bà cũng không mang tiền về chi tiêu cho gia đình nên ông Trần Ngọc C, anh Trần Minh D và anh Trần T không liên quan, cũng không có trách nhiệm gì với khoản tiền bà vay Ngân hàng chính sách xã hội.

** Tại biên bản xác minh ngày 16 tháng 6 năm 2020, đại diện UBND xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình cung cấp:*

Về khoản vay tín dụng giữa Ngân hàng Chính sách Xã hội và bà Trần Thị Đ đúng như hai bên đã trình bày. Quá trình từ khi hết hạn khoản vay đến nay, Ngân hàng đã nhiều lần phối hợp với Tổ tiết kiệm và vay vốn, tổ chức xã hội, đoàn thể và chính quyền địa phương làm việc, đôn đốc, nhắc nhở và lập biên bản yêu cầu bà Đ thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng bà Đ vẫn chưa thực hiện.

Việc bà Đ trình bày là bà đứng tên vay tiền hộ bà Hoàng Thị T (trước đây là Chủ tịch HLH phụ nữ xã V), khi Ngân hàng giải ngân, bà Đ không nhận tiền,

cũng không sử dụng tiền. Việc này địa phương không chứng kiến, bà Đ cũng không cung cấp được căn cứ gì chứng minh.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:**

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng; các đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 385, Điều 463, Điều 466, Điều 467, Điều 468, Điều 470 Bộ luật Dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật tổ chức tín dụng; Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam.

Buộc bà Trần Thị Đ thanh toán cho Ngân hàng Chính sách xã hội số tiền là: 53.105.447đồng. Trong đó: Nợ gốc: 40.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn tính từ 07/02/2017 đến 07/6/2018: 4.475.346 đồng; nợ lãi quá hạn tính từ ngày 08/6/2018 đến ngày 26/8/2020: 8.630.101đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 27/8/2020 đến khi thanh toán xong khoản vay.

Bà Trần Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền phải thanh toán cho Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị Đ trả nợ khoản vay theo Sổ vay vốn và Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn Ngân hàng Chính sách Xã hội của thôn L, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là bà Trần Thị Đ có địa chỉ cư trú tại xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình.

Nguyên đơn, Ngân hàng Chính sách Xã hội và bị đơn, bà Trần Thị Đ đều có Đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt Nguyên đơn và Bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Tại sổ vay vốn có Mã khách hàng số 7065592734; Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay; Sổ lưu từ rời theo dõi cho vay - thu nợ - dư nợ và Phiếu giải ngân ngày 09/6/2015 được ký giữa Ngân hàng Chính sách xã hội huyện V, tỉnh Thái Bình với bà Trần Thị Đào, các bên đều thừa nhận là hoàn toàn tự nguyện, đúng quy định của pháp luật. Đồng thời hai bên đã thỏa thuận về phương thức thanh toán số tiền gốc, tiền lãi và lãi suất đã thể hiện trong Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay. Vì vậy Hợp đồng tín dụng có hiệu lực và làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên kể từ ngày ký và bên vay là bà Trần Thị Đ đã nhận đủ toàn bộ số tiền vay.

[2.2] Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà Đ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ (bà Trần Thị Đ vẫn không trả được nợ gốc và lãi đầy đủ) là vi phạm vào Điều 95 Luật tổ chức tín dụng. Mặc dù Ngân hàng Chính sách xã hội đã phối hợp với Tổ tiết kiệm và vay vốn, tổ chức hội, đoàn thể, chính quyền địa phương xã V có biên bản làm việc, đôn đốc nhắc nhở nhiều lần nhưng bà Trần Thị Đ vẫn không thực hiện.

[2.3] Mặt khác khi ký kết vay vốn bà Đ không nói cho ông Chấn và các thành viên trong hộ gia đình. Bà Đào cũng thừa nhận như vậy. Ngoài ra còn được chứng minh qua lời trình bày của ông Trần Ngọc C (là chồng của bà Đ) vào ngày 30 tháng 6 năm 2020. Thể hiện: Khoảng năm 2015, bà Đ có vay Ngân hàng Chính sách Xã hội theo chương trình vay hộ cận nghèo, số tiền 40.000.000 đồng. Thời hạn vay và lãi suất vay cụ thể như thế nào ông không nắm được. Trước khi vay tiền, bà Đ không nói gì, không bàn bạc gì với ông và các con. Khi vay được tiền, bà Đ cũng không mang tiền về nhà sử dụng vào mục đích đầu tư xây dựng chuồng, chăn nuôi lợn sinh sản của gia đình. Do vậy, Bà Đ phải có trách nhiệm trả nợ theo quy định của pháp luật. Ông và các thành viên khác trong gia đình không liên quan và không có nghĩa vụ gì đối với khoản nợ mà Ngân hàng chính sách xã hội yêu cầu.

Nay Ngân hàng chính sách xã hội yêu cầu buộc bà Trần Thị Đ phải thanh toán cho Ngân hàng Chính sách xã hội tổng số tiền là **53.105.447đồng**. Trong đó: Nợ gốc: 40.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn tính từ 07/02/2017 đến

07/6/2018: 4.475.346 đồng; Nợ lãi quá hạn tính từ ngày 08/6/2018 đến ngày 26/8/2020 (đến thời điểm xét xử sơ thẩm): 8.630.101đồng là có căn cứ.

Từ những đánh giá, nhận định trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Trần Thị Đ phải trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội nợ gốc và nợ lãi theo đúng như các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bà Trần Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự ; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 116, Điều 117, Điều 385, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 Bộ luật Dân sự; Điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Chính sách Xã hội.

Buộc bà Trần Thị Đ có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Chính sách xã hội tổng số tiền là **53.105.447đồng** (*Năm mươi ba triệu một trăm linh năm nghìn bốn trăm bốn mươi bảy đồng*). Trong đó: Nợ gốc: 40.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn tính từ 07/02/2017 đến 07/6/2018 là: 4.475.346 đồng; Nợ lãi quá hạn tính từ ngày 08/6/2018 đến ngày 26/8/2020 (đến thời điểm xét xử sơ thẩm) là: 8.630.101đồng

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 27 tháng 8 năm 2020) cho đến khi thi hành án xong, bà Trần Thị Đ còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng.

2. Về án phí: Bà Trần Thị Đ phải chịu 2.655.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng Chính sách Xã hội, bà Trần Thị Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự Vũ Thư, tỉnh Thái Bình;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu HCTP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

